

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/DS-PT
Ngày 25 tháng 3 năm 2025
“*V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Toàn
Các thẩm phán: Ông Trần Đình Chi; Bà Lê Thị Thu Huyền
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Long - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 và 25 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2024/DSPT ngày 26 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” do bản án dân sự sơ thẩm số 50/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXPT - DS ngày 05 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định mở lại phiên tòa của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giữa:

Nguyên đơn: Ông Lã Văn M, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1959.

Đều ĐKKHKT: Khu D, xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện theo ủy quyền của ông Lã Văn M: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1959. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1949 và bà Cao Thị N, sinh năm 1959. Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn V: Bà Cao Thị N, sinh năm 1959. Đều ĐKKHKT: Khu D, xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Ông V vắng mặt, bà N có mặt

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt
- Ủy ban nhân dân xã P, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; do ông Trần Huy N1 – Phó Chủ tịch UBND xã P là đại diện theo ủy quyền. Vắng mặt
- Ủy ban nhân dân xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; do bà Lã Thị Thu H - Công chức địa chính là đại diện theo ủy quyền. Vắng mặt
- Hợp tác xã D; do ông Cao Ngọc H1 – Chủ tịch HĐQT - Giám Đốc hợp tác xã D Hùng L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày:**

Gia đình bà và gia đình bà Cao Thị N, ông Nguyễn Văn V có quan hệ anh em họ xa. Bà lấy ông Lã Văn M năm 1986, khoảng năm 1987 hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp điện năng xã D có giao cho các đội trưởng của hợp tác xã để đội trưởng giao đất cho các hộ dân, gia đình bà được ông Lã Xuân S lúc đó là đội trưởng giao cho 03 sào đất ở xứ đồng Núi Trống gồm 02 thửa (một thửa to và một thửa nhỏ), thửa to khoảng 1,7 sào, thửa nhỏ khoảng 1,3 sào. Hai thửa ruộng này cách nhau, không liền thửa. Thửa đất to một cạnh giáp đường giao thông của hai xã P và Hùng L, một cạnh phía dưới giáp ruộng nhà bà Trịnh Thị O, hai cạnh còn lại giáp ruộng nhà bà Lã Thị S1. Thửa nhỏ một cạnh giáp đường đi, một cạnh phía dưới giáp ruộng nhà bà Trịnh Thị O và bà Phi T, hai cạnh còn lại giáp ruộng nhà bà Lã Thị S1. Sau khi được giao đất vợ chồng bà trồng sắn, hàng năm có đóng sản cho đội trưởng. Vợ chồng bà đóng sản khoảng 5 đến 10 năm thì không phải đóng sản nữa. HTX giao đất (Xâm canh) cho các hộ theo nhân khẩu, khi đó nhà bà có 02 khẩu là bà và ông M, các con bà chưa sinh ra, đến 1989 bà mới sinh cháu đầu. Hai thửa đất bà được giao bà không biết thuộc thửa số bao nhiêu tờ bản đồ nào, bà chỉ biết giao đất thì gia đình bà làm, bà chỉ có giấy tờ của hợp tác xã DLô xác nhận Lã Văn M (Y) xóm Đ gò Núi Trống 864m² không có ghi số thửa, số tờ bản đồ ngoài ra bà không có tài liệu gì khác. Đến khoảng năm 2011 nhà nước thu hồi một phần đất để làm đường thì gia đình bà không sử dụng nữa. Khi nhà nước lấy đất làm đường đi và trường học có lấy vào hai thửa đất ở xứ đồng Núi Trống của nhà bà, lấy bao nhiêu bà không rõ, sau khi nhà nước thu hồi làm đường và trường học phần đất còn lại hiện nay gia đình bà Nghi V1 đang sử dụng. Có ông Lã Xuân S, bà Lã Thị S1 bà Nguyễn Thị L1 biết việc này. Nay bà đề nghị Tòa án buộc gia đình nhà ông bà Vĩnh N2 trả lại cho gia đình bà diện tích đất đã lấn chiếm 526.7m² và tháo dỡ công trình xây trên đất.

*** Bị đơn bà Cao Thị N trình bày:**

Gia đình bà và gia đình bà Y, M là người cùng làng không có anh em họ hàng gì. Bà và ông Nguyễn Văn V kết hôn với nhau năm 1980, sau khi kết hôn vợ chồng bà về ở chung cùng bố mẹ chồng. Năm 1982 thì bố mẹ chồng bà là ông Nguyễn Văn T1 và bà Cao Thị P cho vợ chồng bà thửa đất ở khu N khoảng 2.6 sào, cho bằng miệng không có văn bản giấy tờ gì. Thửa đất này giáp nhà Đông O1, giáp nhà Tình Ty (mẹ chồng Y), vợ chồng bà trồng sắn trên thửa đất đó. Năm 2011 khi nhà nước lấy một phần đất làm đường và trường học, gia đình bà không được đền bù gì. Phần đất còn lại bà vẫn canh tác và sử dụng cho đến nay, năm 2022 bà xây tường rào xung quanh mảnh đất này. Bà được biết thửa đất này trước kia hợp tác xã nông nghiệp Hùng L giao cho các đội trưởng, sau đó các đội trưởng giao lại cho các hộ dân. Bố mẹ chồng bà đều đã chết, chết năm nào bà không nhớ, bà chỉ nhớ ngày giỗ, mảnh đất này trước đây còn có mộ của bố chồng bà, em gái chồng bà và bố đẻ bà, sau này sang cát mới chuyển mộ đi nơi khác. Nay gia đình bà Yên M1 yêu cầu vợ chồng bà trả lại diện tích đất 526,7m² và tháo dỡ công trình trên đất bà không nhất trí.

**** Đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố V và đại diện theo ủy quyền của UBND xã P trình bày:***

Theo sơ đồ hiện trạng thửa đất đang tranh chấp tại khu 6 xã P do công ty cổ phần X lập tháng 4/2024 lồng ghép bản đồ địa chính năm 1997 cho thấy thửa đất đang tranh chấp thuộc một phần các thửa đất số 86,87,89,105,106,107,138 tờ bản đồ số 8, bản đồ địa chính do UBND xã P quản lý.

Theo sổ mục kê, bản đồ địa chính năm 1997 do UBND xã P quản lý thì thửa đất số 86 có diện tích 762,0 m²; thửa đất số 87 có diện tích 646,0m²; thửa đất số 89 có diện tích 404,0 m², thửa đất số 105 có diện tích 440,0m², thửa đất số 106 có diện tích 305m², thửa đất số 107 có diện tích 674,0m², thửa đất số 138 có diện tích 272,0m². Các thửa đất trên trong sổ mục kê không ghi tên cụ thể chủ sử dụng đất mà chỉ thể hiện đất H2 Lô xâm canh.

Theo sổ sách ghi chép của Hợp tác xã D Hùng L năm 1993 thể hiện: Bà Cao Thị P (mẹ ông Nguyễn Văn V) có tên trong sổ sách ghi chép có diện tích 1.200,0 m² tại khu vực N. Tuy nhiên, diện tích trên không thể hiện số tờ bản đồ, số hiệu thửa đất. Ông Lã Văn M (Y) có tên trong sổ sách theo dõi, ghi chép có diện tích 864,0 m² tại khu vực N. Tuy nhiên, diện tích trên không thể hiện số tờ bản đồ, số hiệu thửa đất.

Năm 2011, Nhà nước có chủ trương xây dựng tuyến đường liên thông xã kết nối xã H với Phụng L, trong đó xác hộ dân xã H có đất tại khu vực N (đất xâm canh) đã tự nguyện hiến đất để làm đường giao thông và trường Mầm non xã P nên không thực hiện bồi thường, hỗ trợ.

- Điều kiện cấp giấy chứng nhận QSD đất.

Theo quy định tại Điều 151, Luật đất đai năm 2024, quy định về các trường hợp không được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Ngoài các trường hợp trên thì được xem xét, cấp giấy chứng nhận.

Theo sổ mục kê do UBND xã H, UBND xã P quản lý không thể hiện có vị trí, số tờ, số thửa của ông Lã Văn M (Nguyễn Thị Y) và ông Nguyễn Văn V (Cao Thị N) quản lý tại khu vực xâm canh tại xã P. Sổ sách ghi chép của Hợp tác xã D Hùng L chỉ thể hiện diện tích của ông Lã Văn M (Nguyễn Thị Y), bà Cao Thị P (mẹ ông Nguyễn Văn V) tại khu vực N, không thể hiện số tờ bản đồ, số thửa cụ thể.

Nay việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

**** Đại diện theo ủy quyền của UBND xã H và Hợp tác xã D trình bày:***

UBND xã đang quản lý bản đồ địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê đất đai đối với các loại đất thuộc địa giới hành chính xã H.

Đối với thửa đất đang tranh chấp thuộc địa giới hành chính xã P nên UBND xã không có bản đồ quản lý của khu vực này.

Trước năm 1980 việc giao đất nông nghiệp xâm canh cho các hộ dân được HTX dịch vụ Nông nghiệp - Điện năng Hùng L giao cho các khu, đội sản xuất, sau đó các khu, đội giao đất xâm canh cho các hộ dân trong khu.

Khi giao đất chỉ ghi diện tích giao cho các hộ sử dụng và xứ đồng, không ghi số thửa, không ghi giáp đất nhà ai. Gia đình ông Lã Văn M và bà Nguyễn Thị Y được giao diện tích đất ở xứ đồng Núi Trống là 864m². Gia đình bà Cao Thị P (là mẹ chồng bà Nghi V1) được giao diện tích đất ở xứ đồng Núi Trống là 1.200m², bà P cho vợ chồng bà Nghi Vĩnh C tách thửa đất này sau khi ông V1 lấy bà N. Khi được giao đất xâm canh các hộ dân xã H đều trồng sản trên thửa đất của mình được giao.

Năm 2011 UBND thành phố V có chủ trương xây dựng tuyến đường liên xã kết nối xã H với xã P, trong đó các hộ dân xã H có đất ở xứ đồng Núi Trống (đất xâm canh) đã tự nguyện hiến đất để làm đường giao thông và xây dựng Trường Mầm non xã P nên không có bồi thường.

Hiện nay HTX dịch vụ Nông nghiệp - Điện năng xã H chỉ còn lưu giữ sổ ghi chép giao đất cho các hộ dân diện tích đất, xứ đồng.

Phần đất xâm canh các hộ dân xã H sử dụng thuộc địa giới hành chính xã P nên sổ mục kê sổ địa chính xã H không có phần đất này.

Nay gia đình bà Yên M1 yêu cầu gia đình bà Nghi V1 phải trả lại cho gia đình bà thửa đất lấn chiếm khoảng 500m². Quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Toà án nhân dân thành phố xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Toà án Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì đã:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 100, Điều 166, Điều 170, Điều 202, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lã văn M và bà Nguyễn Thị Y về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn V và bà Cao Thị N trả lại diện tích đất là 526.7m² tại xứ đồng Núi Trống thuộc khu F, xã P thành phố V, tỉnh Phú Thọ và tháo dỡ công trình xây dựng trên đất.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền đề nghị thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 09 tháng 10 năm 2024, ông Lã Văn M và bà Nguyễn Thị Y có đơn kháng cáo không nhất trí với Bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại và buộc bà N ông V phải trả lại diện tích 526m² và tháo dỡ công trình trên đất để trả lại cho gia đình ông bà.

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ông M bà Y cung cấp Đơn đề nghị có xác người làm chứng ông Lã Xuân S; xác nhận của HTX D1; Giấy xác nhận của ông Lã Xuân S có lời chứng của UBND xã H; Đơn đề nghị chứng thực chữ ký của bà Nguyễn Thị L1 và lời chứng của UBND xã H; Đơn đề nghị chứng thực chữ ký của bà Lã Thị S1 và lời chứng của UBND xã H;

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lã Văn M, bà Nguyễn Thị Y không rút đơn khởi kiện. Ông M bà Y không thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ nội dung kháng cáo, giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Phía bị đơn không chấp nhận nội dung kháng cáo và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu về tố tụng và giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lã Văn M và bà Nguyễn Thị Y. Đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 50/2024/ST-DS ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì.

Về án phí: Ông M bà Y là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét thấy đơn kháng cáo của ông Lã Văn M bà Nguyễn Thị Y kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xét xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa ngày 24/02/2025, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định mở lại phiên tòa vào hồi 14 giờ ngày 20/3/2025. Tại phiên tòa ngày 20/3/2025 những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt phiên tòa lần 2 không có lý do, căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử.

[2] Xét về nội dung kháng cáo của ông Lã Văn M và bà Nguyễn Thị Y, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về nguồn gốc đất của gia đình ông M và bà Y được Hợp tác xã D Hùng L giao đất có diện tích 864 m²; nguồn gốc đất của gia đình ông N bà V được Hợp

tác xã D Hùng L giao đất cho bà Cao Thị P là mẹ của ông V cho vợ chồng ông Vĩnh bà N2. Hai thửa đất này đều nằm ở khu vực núi trống nhưng không xác định được vị trí, số thửa, giáp đất nhà ai. Theo lời khai của đại diện UBND thành phố V, UBND xã H, UBND xã P, HTXNN Đ Hùng L thì Thửa đất đang tranh chấp thuộc khu 6 xã P, theo lồng ghép bản đồ địa chính năm 1997 cho thấy thửa này thuộc một phần các thửa đất số 86,87,89,105,106,107,138 tờ bản đồ số 8. Các thửa đất này trong sổ mục kê không ghi tên cụ thể chủ sử dụng đất mà chỉ thể hiện đất H2 Lô xâm canh. Theo sổ sách ghi chép của Hợp tác xã D Lô thể hiện: Bà Cao Thị P (mẹ ông Nguyễn Văn V chồng bà N2) có tên trong sổ sách ghi chép có diện tích 1.200,0 m² tại khu vực N, không thể hiện số tờ bản đồ, số hiệu thửa đất. Ông Lã Văn M (Y) có tên trong sổ sách theo dõi, ghi chép có diện tích 864,0 m² tại khu vực N, không thể hiện số tờ bản đồ, số hiệu thửa đất. Năm 2011, Nhà nước có chủ trương xây dựng tuyến đường liên thông xã kết nối xã H với P1 Lâu trong đó xác hộ dân xã H có đất tại khu vực N (đất xâm canh) đã tự nguyện hiến đất để làm đường giao thông và trường Mầm non xã P nên không xác định được phần đất tranh chấp do ai canh tác. Căn cứ lời khai của ông Lã Xuân S thì trước năm 1980 hợp tác xã D có giao cho các đội trưởng có trách nhiệm giao đất cho các hộ dân xã H giao đất sâm canh, ông có giao cho gia đình ông bà Yên M1 hai thửa đất sắn, tổng diện tích là 860m² tại khu N để canh tác, địa giới hành chính các thửa đất trên thì thuộc xã Phượng lâu. Phần đất đang có tranh chấp giữa nhà ông bà Yên M1 và nhà ông bà Nghi V1 do làm đường và Trường học nên ông không xác định được của nhà ai. Theo bà Lã Thị S1 thì thửa đất nhà ông bà Yên M1 được giao nằm giữa hai thửa đất nhà bà sự, thửa đất đang có tranh chấp là của gia đình ông bà Nghi V1, vì thửa đất này trước đây còn có nhiều ngôi mộ trong đó có mộ của ông Nguyễn Văn T1 là bố đẻ ông V1 và mộ của bà Nguyễn Thị V2 là em gái ông V1. Sau này các gia đình có mộ trên đất nhà ông bà Nghi V1 đã di dời đi. Theo ông Cao Sỹ N3 là trưởng khu 4 xã H thì thửa đất đang tranh chấp hiện nay vợ chồng bà Nghi V1 sử dụng. Trước đây thửa đất này là của ông Nguyễn Văn T2 và bà Cao Thị P, bà P và ông T2 đã cho vợ chồng bà Nghi V1 sử dụng nhiều năm nay. Khi ông T2 chết và bà Nguyễn Thị V2 (con gái ông T2) chết có chôn ở mảnh đất này. Trước năm 2010 gia đình có bốc mộ và chuyển mộ bà V2, ông T2 đi nơi khác. Như vậy căn cứ vào lời khai của bà S1 và lời khai của ông N3 thì phần đất đang có tranh chấp không phải của gia đình ông M1, bà Y.

Tại cấp phúc thẩm nguyên đơn cung cấp một số chứng cứ như đơn đề nghị, xác nhận chữ ký của bà L1, bà S1, ông S nhưng xét thấy lời khai của những người làm chứng mà nguyên đơn cung cấp đã được cấp sơ thẩm lấy lời khai của những người này, đây là những chứng cứ được thu thập theo đúng trình tự tố tụng nên được xem xét để giải quyết. Việc ông M1, bà Y cho rằng thửa đất đang tranh chấp là của ông bà nhưng không đưa ra căn cứ nào để chứng minh, do vậy cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông M1, bà Y là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Lã Văn M và bà Nguyễn Thị Y, cần

giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

[3] Về án phí: Tuy yêu cầu kháng cáo của ông Lã Văn M bà Nguyễn Thị Y không được chấp nhận nhưng ông M, bà Y là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quan điểm việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

[I] Xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Lã Văn M bà Nguyễn Thị Y.

[II] Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 50/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 100, Điều 166, Điều 170, Điều 202, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lã Văn M và bà Nguyễn Thị Y về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn V và bà Cao Thị N trả lại diện tích đất là 526.7m² tại xứ đồng Núi Trống thuộc khu F, xã P thành phố V, tỉnh Phú Thọ và tháo dỡ công trình xây dựng trên đất.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Lã văn M và bà Nguyễn Thị Y phải chịu 7.600.000đ tiền chi phí tố tụng. (Xác nhận ông M và bà Y đã nộp đủ 7.600.000đ tiền chi phí tố tụng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lã Văn M và bà Nguyễn Thị Y là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lã Văn M và bà Nguyễn Thị Y không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết kháng cáo và kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND thành phố Việt Trì;
- Chi cục THADS thành phố Việt Trì;
- Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Toàn

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN

Trần Đình Chi Lê Thị Thu H3

Phạm Văn T3